

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**  
**(Trước đây là Công ty Cổ phần Tân Thành Đô City Ford)**  
**Báo cáo của Hội đồng quản trị**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là:

#### **Hội Đồng Quản Trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Lâm	Thành viên
Ông Trần Long	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM**

- Mua bán xe ô tô, phụ tùng, phụ kiện, máy móc thiết bị;
- Dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô, xe gắn máy và máy móc thiết bị;

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



**FRAN NGỌC DÂN**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số: 381.1/2015/DFK - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần City Auto (“Công ty”) và các Công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 29 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**LÊ ĐÌNH HUYỀN****Phó Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
1756-2013-042-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2016

**PHẠM THỊ QUỲNH DUNG****Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số 2846-2014-042-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>260.199.072.866</b>	<b>184.875.954.635</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	01	<b>16.386.357.723</b>	<b>2.238.239.228</b>
1. Tiền	111		16.386.357.723	2.238.239.228
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>137.550.749.462</b>	<b>107.892.543.733</b>
1. Phải thu khách hàng	131	02	114.603.862.527	75.255.816.759
2. Trả trước cho người bán	132		5.373.725.764	6.692.716.170
3. Các khoản phải thu khác	136	03	21.091.384.678	27.738.571.526
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	04	(5.026.862.285)	(3.356.161.162)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	05	1.508.638.778	1.561.600.440
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	06	<b>103.624.452.127</b>	<b>71.816.379.719</b>
1. Hàng tồn kho	141		105.778.422.337	73.970.349.929
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.153.970.210)	(2.153.970.210)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>2.637.513.554</b>	<b>2.928.791.955</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	07	1.623.501.604	1.388.919.990
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	11	1.014.011.950	1.539.871.965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>152.408.201.455</b>	<b>145.474.979.209</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>46.273.773.336</b>	<b>42.242.565.084</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	03	46.273.773.336	42.242.565.084
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>102.215.821.207</b>	<b>100.406.937.809</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	08	17.813.075.584	16.193.152.186
- Nguyên giá	222		27.108.779.425	25.335.071.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.295.703.841)	(9.141.919.374)
2. TSCĐ vô hình	227	09	84.402.745.623	84.213.785.623
- Nguyên giá	228		84.697.374.623	84.446.974.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(294.629.000)	(233.189.000)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>1.361.290.909</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.361.290.909
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>3.918.606.912</b>	<b>1.464.185.407</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	07	3.918.606.912	1.464.185.407
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>412.607.274.321</b>	<b>330.350.933.844</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 01-DN**

**Đơn vị: VNĐ**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>211.443.608.775</b>	<b>138.474.288.217</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>208.792.308.775</b>	<b>119.954.361.217</b>
1. Phải trả cho người bán	311	10	20.739.989.518	13.002.544.135
2. Người mua trả tiền trước	312		10.184.217.994	5.241.454.179
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	11	890.797.232	1.917.555.679
4. Phải trả công nhân viên	314		6.157.989.692	4.211.245.540
5. Chi phí phải trả	315	12	1.688.316.026	770.099.335
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	8.723.387.864	8.699.677.611
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	159.655.144.424	85.857.737.060
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	752.466.025	254.047.678
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.651.300.000</b>	<b>18.519.927.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	-	720.927.000
2. Vay và nợ dài hạn	338	14	-	17.799.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	2.651.300.000	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>201.163.665.546</b>	<b>191.876.645.627</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>201.163.665.546</b>	<b>191.876.645.627</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	180.000.000.000	180.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	1.885.396.603	890.352.526
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	17	62.741.577	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421	17	12.132.984.384	9.968.366.936
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		133.059.244	4.339.057.856
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.999.925.140	5.629.309.081
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	18	7.082.542.983	1.017.926.165
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>412.607.274.321</b>	<b>330.350.933.844</b>

**LÊ THỊ PHÚ**

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



**TRẦN TRUNG CHÁNH**

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>2.082.628.635.563</b>	<b>1.394.739.606.148</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		10.861.706.588	11.827.566.005
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	19	<b>2.071.766.928.975</b>	<b>1.382.912.040.143</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.952.787.171.651	1.297.504.423.941
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>118.979.757.324</b>	<b>85.407.616.202</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	82.693.944	58.804.907
7. Chi phí tài chính	22	22	7.761.228.190	9.773.560.404
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.761.228.190	9.773.238.186
8. Chi phí bán hàng	25	23	80.423.835.363	43.574.318.707
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	30.298.426.116	25.407.886.615
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>578.961.599</b>	<b>6.710.655.383</b>
11. Thu nhập khác	31	25	22.334.629.135	4.841.669.564
12. Chi phí khác	32	26	7.582.159.288	4.022.356.319
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		14.752.469.847	819.313.245
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>15.331.431.446</b>	<b>7.529.968.628</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	601.248.556	1.528.401.841
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	2.651.300.000	354.500.000
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>12.078.882.890</b>	<b>5.647.066.787</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		11.999.925.140	5.629.309.081
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		78.957.750	17.757.707
<b>20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	28	<b>667</b>	<b>624</b>
<b>21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	71	28	<b>667</b>	<b>624</b>

**LÊ THỊ PHÚ**

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



**TRẦN TRUNG CHÁNH**

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>15.331.431.446</b>	<b>7.529.968.628</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	2	3.100.369.179	2.869.806.820
Các khoản dự phòng	3	1.670.701.123	(247.381.334)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(672.845.730)	1.549.697
Chi phí lãi vay	6	7.761.228.190	9.773.238.186
<b>3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>27.190.884.208</b>	<b>19.927.181.997</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(34.834.255.089)	(70.741.049.355)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(31.808.072.408)	(24.247.246.837)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	19.976.374.701	3.888.559.869
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.689.003.119)	(1.600.889.126)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.761.228.190)	(9.773.238.186)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(769.873.034)	(2.096.095.930)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(41.954.294.328)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(30.695.172.931)</b>	<b>(126.597.071.896)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(13.519.073.892)	(8.950.127.445)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	10.606.670.000	3.815.764.210
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.287.954	27.017.847
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.875.115.938)</b>	<b>(5.107.345.388)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	130.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	1.197.529.411.400	926.734.093.301
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.141.531.004.036)	(926.144.069.761)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(8.280.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>47.718.407.364</b>	<b>130.590.023.540</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>14.148.118.495</b>	<b>(1.114.393.744)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.238.239.228	3.352.632.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>16.386.357.723</b>	<b>2.238.239.228</b>

**LÊ THỊ PHÚ**

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



**TRẦN TRUNG CHÁNH**

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

**I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần City Auto (trước đây là Công ty Cổ phần Tân Thành Đô City Ford) (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Vốn điều lệ đăng ký	180.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2015	180.000.000.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Nha Trang đặt tại 580 Lê Hồng Phong, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-001;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xi, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003.

**Danh sách Công ty con được hợp nhất**

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 02 Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính này như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TPHCM	Thương mại và dịch vụ	97%	97%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Số 51 Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thương mại và dịch vụ	55%	55%

**2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - dịch vụ.****3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: dịch vụ cứu hộ cứu nạn;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****1. Hợp nhất báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con (Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ và Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang) vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

*Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:*

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

***Dự phòng cho hàng tồn kho***

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

**8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

***Phần mềm kế toán***

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**9. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

**10. Chi phí trả trước**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo thời gian thuê đất;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích dao động từ 01 – 03 năm.

**11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán điều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

***Đầu tư vào Công ty con***

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**12. Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**13. Tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 18% và 8 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

**14. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

**16. Ghi nhận doanh thu và chi phí**

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Chi phí***

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. Các bên liên quan**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Số thuế thể hiện trên các báo cáo tài chính là số dự kiến phải nộp dựa trên sổ sách kế toán, số thuế cụ thể phải nộp sẽ được điều chỉnh khi cơ quan thuế kiểm tra quyết toán.

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**19. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**20. Công cụ tài chính***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***V. TRÌNH BÀY CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.513.654.903	272.878.555
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	1.164.089.932	206.278.077
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	303.506.435	66.600.478
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	46.058.536	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.872.702.820	1.965.360.673
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	9.260.623.833	1.872.661.012
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	673.507.991	92.699.661
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	4.938.570.996	-
<b>Cộng</b>	<b>16.386.357.723</b>	<b>2.238.239.228</b>

**2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH TM DV Thùy Linh	4.025.000.000	-
- Công Ty TNHH MTV Đồng Phước Tây Ninh	7.502.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Tây Ford	-	2.271.523.168
- Các khách hàng khác	102.650.246.427	72.939.493.591
<b>Phải thu khách hàng từ bên liên quan</b>		
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Thành Đô	426.616.100	44.800.000
<b>Cộng</b>	<b>114.603.862.527</b>	<b>75.255.816.759</b>

**3. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>21.091.384.678</b>		<b>27.738.571.526</b>	
Phải thu Công ty CP Ô tô UK	-	-	20.000.000.000	-
Phải thu khác từ nhân viên chi nhánh Bà Rịa	2.507.765.000	2.507.765.000	2.507.765.000	1.549.750.000
Phải thu Công ty Ford Việt Nam	14.065.753.834	-	2.583.840.363	-
Phải thu Công ty TM Lâm Long	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Tạm ứng nhân viên	1.726.149.247	-	1.117.251.398	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	242.031.354	-	63.378.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	1.549.685.243	-	466.336.765	-
<b>Phải thu khác dài hạn</b>	<b>46.273.773.336</b>		<b>42.242.565.084</b>	
Ký quỹ thuê mặt bằng cho Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	42.434.102.400	-	38.228.321.448	-
Ký quỹ dài hạn khác	3.839.670.936	-	4.014.243.636	-
<b>Cộng</b>	<b>67.365.158.014</b>	<b>2.507.765.000</b>	<b>69.981.136.610</b>	<b>1.549.750.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. NỢ XẤU**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<i>Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
Phạm Thị Tú	1.472.411.162	-	1.472.411.162	-
Nhân viên chi nhánh Bà Rịa	2.507.765.000	-	1.549.750.000	-
Công ty TNHH KT CN Hàn Việt	221.000.000	-	221.000.000	-
DN tư nhân Hoàng Hạnh	113.000.000	-	113.000.000	-
Các khách hàng khác	712.686.123	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.026.862.285</b>	<b>-</b>	<b>3.356.161.162</b>	<b>-</b>

**5. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
	<u>VNĐ</u>		<u>VNĐ</u>	
Tiền ở chi nhánh Bà Rịa	1.472.411.162	-	1.472.411.162	-
Tạm ứng ở chi nhánh Bà Rịa	17.700.000	-	-	-
Hàng tồn kho ở kho Hồ Chí Minh	14.723.433	23	4.608.643	-
Hàng tồn kho ở kho Nha Trang	3.804.183	-	-	-
Hàng tồn kho ở kho Bà Rịa	-	-	84.580.635	-
<b>Cộng</b>	<b>1.508.638.778</b>	<b>23</b>	<b>1.561.600.440</b>	<b>-</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	78.574.720	-	7.198.668.487	-
Công cụ dụng cụ	8.644.000	-	-	-
Chi phí sản xuất dở dang	919.013.659	-	645.064.505	-
Hàng hóa (6.1)	104.772.189.958	2.153.970.210	66.126.616.937	2.153.970.210
<b>Cộng</b>	<b>105.778.422.337</b>	<b>2.153.970.210</b>	<b>73.970.349.929</b>	<b>2.153.970.210</b>

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Xe các loại	71.894.237.366	37.608.727.273
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	48.375.055.549	22.335.430.001
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	23.519.181.817	15.273.297.272
Phụ tùng, phụ kiện	32.877.952.592	28.517.889.664
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	25.268.615.969	22.865.034.029
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	7.609.336.623	5.652.855.635
<b>Cộng</b>	<b>104.772.189.958</b>	<b>66.126.616.937</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>1.623.501.604</b>	<b>1.388.919.990</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	420.847.503	537.847.834
Vật tư sơn chờ kết chuyển	514.695.090	395.676.727
Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	577.959.011	455.395.429
Tiền thuê showroom	110.000.000	-
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.918.606.912</b>	<b>1.464.185.407</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.389.131.160	378.133.518
Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	1.529.475.752	1.086.051.889
<b>Cộng</b>	<b>5.542.108.516</b>	<b>2.853.105.397</b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	7.462.347.006	5.317.774.559	12.014.829.665	540.120.330	25.335.071.560
Tăng trong năm	-	3.724.927.298	10.514.344.503	390.693.000	14.629.964.801
- Mua sắm mới	-	3.682.927.298	10.514.344.503	432.693.000	14.629.964.801
- Phân loại lại	-	42.000.000	-	(42.000.000)	-
Giảm trong năm	-	69.000.000	12.787.256.936	-	12.856.256.936
- Thanh lý	-	69.000.000	12.787.256.936	-	12.856.256.936
Tại ngày 31/12/2015	7.462.347.006	8.973.701.857	9.741.917.232	930.813.330	27.108.779.425
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	5.712.543.826	1.385.318.300	1.623.617.145	420.440.103	9.141.919.374
Tăng trong năm	433.166.214	718.800.409	1.852.309.843	34.652.713	3.038.929.179
- Khấu hao	433.166.214	710.134.506	1.860.975.746	34.652.713	3.038.929.179
- Phân loại lại	-	8.665.903	(8.665.903)	-	-
Giảm trong năm	-	16.100.000	2.869.044.712	-	2.885.144.712
- Thanh lý	-	16.100.000	2.869.044.712	-	2.885.144.712
Tại ngày 31/12/2015	6.145.710.040	2.088.018.709	606.882.276	455.092.816	9.295.703.841
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	1.749.803.180	3.932.456.259	10.391.212.520	119.680.227	16.193.152.186
Tại ngày 31/12/2015	1.316.636.966	6.885.683.148	9.135.034.956	475.720.514	17.813.075.584

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.140.279.490 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	84.022.474.623	424.500.000	84.446.974.623
Mua trong năm	-	250.400.000	250.400.000
Tại ngày 31/12/2015	<b>(9.1) 84.022.474.623</b>	<b>674.900.000</b>	<b>84.697.374.623</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	233.189.000	233.189.000
Khấu hao trong năm	-	61.440.000	61.440.000
Tại ngày 31/12/2015	-	<b>294.629.000</b>	<b>294.629.000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	<b>84.022.474.623</b>	<b>191.311.000</b>	<b>84.213.785.623</b>
Tại ngày 31/12/2015	<b>84.022.474.623</b>	<b>380.271.000</b>	<b>84.402.745.623</b>

(9.1) Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các chi phí liên quan tại số 431, Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM để làm nhà kho.

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>		
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	7.940.720.022	5.526.510.535
- Các nhà cung cấp khác	2.745.037.907	4.683.025.321
<i>Phải trả người bán từ bên liên quan</i>		
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	10.054.231.589	2.793.008.279
<b>Cộng</b>	<b>20.739.989.518</b>	<b>13.002.544.135</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	133.209.226	1.228.188.814
Thuế thu nhập doanh nghiệp	346.255.611	514.880.089
Thuế thu nhập cá nhân	411.332.395	174.486.776
<b>Cộng</b>	<b>890.797.232</b>	<b>1.917.555.679</b>

**Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:**

	01/01/2015		Phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp/ khấu trừ	31/12/2015	
	Số phải thu <u>VND</u>	Số phải nộp <u>VND</u>			Số phải thu <u>VND</u>	Số phải nộp <u>VND</u>
Thuế GTGT	1.539.871.965	1.228.188.814	215.185.996.563	215.755.116.136	1.014.011.950	133.209.226
Thuế TNDN	-	514.880.089	601.248.556	769.873.034	-	346.255.611
Thuế TNCN	-	174.486.776	2.240.610.146	2.003.764.527	-	411.332.395
<b>Cộng</b>	<b>1.539.871.965</b>	<b>1.917.555.679</b>	<b>218.027.855.265</b>	<b>218.528.753.697</b>	<b>1.014.011.950</b>	<b>890.797.232</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí thuê mặt bằng	772.727.273	335.019.235
Trích trước chi phí khác	915.588.753	435.080.100
<b>Cộng</b>	<b>1.688.316.026</b>	<b>770.099.335</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b><i>Phải trả khác ngắn hạn</i></b>	<b>8.723.387.864</b>	<b>8.699.677.611</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	819.100	16.081.682
Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Hồ Chí Minh	59.485.849	-
Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Nha Trang	9.472.245	-
Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Bà Rịa	1.573.370	-
Chi hộ hỗ trợ bán hàng từ Công ty Ford Việt Nam	1.218.653.677	1.025.850.585
Phải trả Ông Trần Trung Chánh	-	1.507.000.000
Phải trả Ông Nguyễn Đăng Hoàng	2.042.461.000	250.000.000
Phải trả Ông Trần Lâm	14.863.656	3.000.000.000
Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	1.055.009.258	1.030.923.458
Các khoản phải trả khác	4.321.049.709	1.869.821.886
<b><i>Phải trả khác dài hạn</i></b>	<b>-</b>	<b>720.927.000</b>
Nhận ký quỹ từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	-	720.927.000
<b>Cộng</b>	<b>8.723.387.864</b>	<b>9.420.604.611</b>

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015	Trong năm		31/12/2015
		Tăng	Giảm	
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ			Giá trị/Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>85.857.737.060</b>	<b>1.197.529.411.400</b>	<b>1.123.732.004.036</b>	<b>159.655.144.424</b>
- NH Ngoại thương (14.1)	36.405.480.000	252.541.603.000	210.947.083.000	78.000.000.000
- NH Indovina (14.2)	24.071.257.060	248.226.623.600	242.436.095.236	29.861.785.424
- NH Công Thương (14.3)	-	3.201.440.000	2.085.000.000	1.116.440.000
- NH Bảo Việt (14.4)	-	420.549.564.800	373.722.380.800	46.827.184.000
- Ngân hàng HD	8.305.000.000	54.740.000.000	63.045.000.000	-
- Ngân hàng ACB	3.345.000.000	142.320.880.000	145.665.880.000	-
- Ngân hàng Tiên Phong	4.905.000.000	67.029.300.000	71.934.300.000	-
- Ngân hàng Kiên Long	-	1.920.000.000	1.920.000.000	-
- Ngân hàng Quân Đội (14.5)	-	7.000.000.000	3.150.265.000	3.849.735.000
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
NH Xuất nhập khẩu	8.826.000.000	-	8.826.000.000	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>17.799.000.000</b>	<b>-</b>	<b>17.799.000.000</b>	<b>-</b>
- NH Xuất nhập khẩu	17.799.000.000	-	17.799.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>103.656.737.060</b>	<b>1.197.529.411.400</b>	<b>1.141.531.004.036</b>	<b>159.655.144.424</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**(14.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM** theo hợp đồng tín dụng số 0201/KH/15NH ngày 22/9/2015 và phụ lục số 02/CV-0201/KH/15NH ngày 16/12/2015 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/12/2016, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 78.000.000.000 đồng. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 232/NHNT ngày 23/9/2015 với tổng trị giá tài sản đảm bảo là 53.160.000.000 đồng.

**(14.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn** theo hợp đồng số 90/0715/CLc/6285628 ngày 28/7/2015 với tổng hạn mức vay là 60 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 29.861.785.424 đồng. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này: hàng tồn kho là xe ô tô nhãn hiệu Ford các loại (bao gồm cả hàng hóa được tài trợ và hàng hóa đã nhập kho) với tổng giá trị là thế chấp là 66,6 tỷ đồng, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 90/0715/HĐTC-HTK ngày 28/7/2015 và các phụ lục đính kèm.

**(14.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM** theo hợp đồng tín dụng số 15.2900051/2015-HĐTDHM/NHCT900-CITYFORD ngày 25/11/2015 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 25/10/2016; thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 1.116.440.000 đồng. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này chi tiết hợp đồng thế chấp hàng hóa số 15.2900092/HĐTC ngày 25/11/2015, bao gồm:

- Từ ngày ký Hợp đồng tín dụng đến ngày 29/02/2016: cho vay không có bảo đảm;

- Từ ngày 01/3/2016: Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và hàng hóa hình thành trong tương lai của Công ty với giá trị định giá là 80 tỷ đồng.

**(14.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Tp.HCM** theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 0426/2015/HĐTD1/BVB03 ngày 26/10/2015 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 21.336.184.000 đồng. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 1003165.A.15.HĐTC.HCM ngày 26/10/2015 và các phụ lục đi kèm; bao gồm:

- Hàng hóa (xe ô tô nhãn hiệu Ford) hình thành từ vốn vay, trên cơ sở các đơn đặt hàng hoặc Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Ford Việt Nam;

- Hàng hóa tồn kho mới 100% (xe ô tô nhãn hiệu Ford), có thời gian lưu kho không quá 12 tháng từ ngày Công ty TNHH Ford Việt Nam xuất bán đến ngày Ngân hàng Bảo Việt nhận làm tài sản thế chấp.

2. Hợp đồng tín dụng số 0329/2015/HDDTD1/BVB03 ngày 28/8/2015, hạn mức vay: 33 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 25.491.000.000 đồng. Khoản vay này do Công ty CP Ô tô Phú Mỹ vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford nguyên chiếc mới 100% mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam, xe có sẵn trong kho hoặc/và xe hình thành từ vốn vay - chi tiết theo hợp đồng thế chấp số 1076914.A.15.HĐTC.HCM ngày 28/8/2015.

**(14.5) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Quân Đội** theo hợp đồng số 28854.15.115.2520244.TD ngày 02/11/2015; Hạn mức vay: 35 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho mỗi khoản giải ngân không vượt quá 03 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 3.849.735.000 đồng. Khoản vay này do Công ty CP Ô tô Phú Mỹ vay. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, được xác định theo từng lần phát hành bảo lãnh cụ thể – chi tiết theo hợp đồng thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay số 36741.15.115.2520244.BĐ ngày 16/12/2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	254.047.678	262.408.332
Trích lập trong năm từ lợi nhuận sau thuế	498.418.347	-
Chi quỹ trong năm	-	(8.360.654)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>752.466.025</b>	<b>254.047.678</b>

**16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm so với năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	31/12/2015	01/01/2015	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.651.300.000	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	2.651.300.000	354.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.651.300.000</b>	<b>-</b>	<b>2.651.300.000</b>	<b>354.500.000</b>

**17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn điều lệ đăng ký		Vốn thực góp	
	Số cổ phần	Thành tiền	Số cổ phần	Thành tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	17.280.000	172.800.000.000	10.500.000	105.000.000.000
Ông Trần Lâm	360.000	3.600.000.000	1.720.000	17.200.000.000
Ông Trần Long	360.000	3.600.000.000	1.720.000	17.200.000.000
Ông Trần Ngọc Dân	-	-	3.110.000	31.100.000.000
Bà Ngô Thị Hạnh	-	-	500.000	5.000.000.000
Bà Trần Thị Tâm	-	-	450.000	4.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>18.000.000</b>	<b>180.000.000.000</b>

**17.2 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Quỹ khác	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2014	50.000.000.000	445.176.263	445.176.263	4.461.032.375	55.351.384.901
Góp vốn	130.000.000.000	-	-	-	130.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	5.629.309.081	5.629.309.081
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(121.974.519)	(121.974.519)
Tại ngày 31/12/2014	<b>180.000.000.000</b>	<b>445.176.263</b>	<b>445.176.263</b>	<b>9.968.366.937</b>	<b>190.858.719.463</b>
Lãi trong năm	-	-	-	11.999.925.140	11.999.925.140
Trích quỹ	-	62.741.577	995.044.077	(1.555.307.693)	(497.522.039)
Chi cổ tức	-	-	-	(8.280.000.000)	(8.280.000.000)
Tăng/(giảm) khác	-	(445.176.263)	445.176.263	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>62.741.577</b>	<b>1.885.396.603</b>	<b>12.132.984.384</b>	<b>194.081.122.564</b>

**17.3 Phân phối lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Trích Quỹ đầu tư phát triển	995.044.077	-
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	62.741.577	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	497.522.039	-
Chi trả cổ tức cho cổ đông	8.280.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.835.307.693</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17.4 Cổ phiếu**

	Năm 2015	Năm 2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	Năm 2015 VNĐ	Năm 2014 VNĐ
Số dư đầu năm	1.017.926.165	-
Vốn góp trong năm của cổ đông không kiểm soát	6.000.000.000	1.000.000.000
Lợi nhuận trong năm chia cho cổ đông không kiểm soát	78.957.750	17.757.707
Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(13.444.624)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	(896.308)	168.458
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.082.542.983</b>	<b>1.017.926.165</b>

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VNĐ	Năm 2014 VNĐ
<b>(a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	1.960.050.919.085	1.323.326.622.585
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.577.716.478	71.412.983.563
	<b>2.082.628.635.563</b>	<b>1.394.739.606.148</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>10.861.706.588</b>	<b>11.827.566.005</b>
Chiết khấu thương mại	292.433.860	-
Hàng bán bị trả lại	10.569.272.728	11.806.347.823
Giảm giá hàng bán	-	21.218.182
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>2.071.766.928.975</b>	<b>1.382.912.040.143</b>
<b>Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán xe	1.950.842.178.042	1.292.078.457.584
Doanh thu bán phụ tùng	9.208.741.043	31.248.165.001
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.577.716.478	71.412.983.563
<b>Cộng</b>	<b>2.082.628.635.563</b>	<b>1.394.739.606.148</b>
<b>(b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>2.340.354.574</b>	<b>3.166.968.467</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	2.332.576.574	3.141.096.817
Công ty Cổ phần Golf biển Cửa Lò	7.778.000	25.871.650
<b>(c) Doanh thu theo bộ phận</b>	<b>2.082.628.635.563</b>	<b>1.394.739.606.148</b>
Công ty Cổ phần City Auto	1.446.774.690.257	939.455.491.113
Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	677.017.091.175	485.259.473.088
Điều chỉnh giảm doanh thu nội bộ	(41.163.145.869)	(29.975.358.053)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa xuất bán	1.877.175.760.130	1.260.992.546.847
Giá vốn cung cấp dịch vụ	75.611.411.521	37.093.258.428
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	-	(581.381.334)
<b>Cộng</b>	<b>1.952.787.171.651</b>	<b>1.297.504.423.941</b>
<b>Chi tiết giá vốn</b>		
Giá vốn bán xe	1.870.651.289.447	1.240.994.655.385
Giá vốn bán phụ tùng	6.524.470.683	19.997.891.462
Giá vốn cung cấp dịch vụ	75.611.411.521	37.093.258.428
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	-	(581.381.334)
<b>Cộng</b>	<b>1.952.787.171.651</b>	<b>1.297.504.423.941</b>
<b>Chi tiết giá vốn theo bộ phận</b>		
Công ty Cổ phần City Auto	1.359.360.439.821	880.468.737.427
Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	630.954.059.520	446.750.859.179
Điều chỉnh giảm giá vốn nội bộ	(41.120.964.053)	(29.975.358.053)

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	41.449.099	27.017.847
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.605.000	-
Chiết khấu thanh toán nhận được	24.639.845	31.787.060
<b>Cộng</b>	<b>82.693.944</b>	<b>58.804.907</b>

**22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.761.228.190	9.773.238.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	322.218
<b>Cộng</b>	<b>7.761.228.190</b>	<b>9.773.560.404</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên bán hàng	30.762.054.067	18.814.809.991
Chi phí hoa hồng, bảo hành	16.822.610.099	5.280.948.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.027.088.383	1.032.202.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.879.206.831	12.754.621.204
Chi phí bằng tiền khác	9.932.875.983	5.691.736.359
<b>Cộng</b>	<b>80.423.835.363</b>	<b>43.574.318.707</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	13.618.405.379	12.712.425.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.617.139.911	1.381.189.149
Chi phí công cụ dụng cụ	1.240.868.518	990.174.653
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.670.701.123	334.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.916.371.670	8.641.527.425
Chi phí bằng tiền khác	1.234.939.515	1.348.570.233
<b>Cộng</b>	<b>30.298.426.116</b>	<b>25.407.886.615</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	7.711.094.129	3.815.764.210
Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam	12.674.726.174	798.840.959
Xử lý nợ không thể thu hồi	168.662.919	-
Các khoản thu khác	1.780.145.913	227.064.395
<b>Cộng</b>	<b>22.334.629.135</b>	<b>4.841.669.564</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	7.075.536.353	3.844.331.772
Các khoản thuế bị truy thu	163.370.121	56.588.870
Các khoản chi phí khác	343.252.814	121.435.677
<b>Cộng</b>	<b>7.582.159.288</b>	<b>4.022.356.319</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty Cổ phần City Auto	291.416.608	1.528.401.841
Chi phí thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	309.831.948	-
Chi phí thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	-	-
<b>Cộng</b>	<b>601.248.556</b>	<b>1.528.401.841</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

**28.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.999.925.140	5.629.309.081
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(483.701.982)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	11.999.925.140	5.145.607.098
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.000.000	8.250.000
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần</b>	<b>667</b>	<b>624</b>

**28.2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.999.925.140	5.145.607.098
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu .	11.999.925.140	5.145.607.098
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.000.000	8.250.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>667</b>	<b>624</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III.18.

**Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.386.357.723	2.238.239.228
Phải thu khách hàng và phải thu khác	181.969.020.541	145.236.953.369
<b>Tổng cộng</b>	<b>198.355.378.264</b>	<b>147.475.192.597</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	159.655.144.424	103.656.737.060
Phải trả người bán và phải trả khác	29.463.377.382	22.423.148.746
Chi phí phải trả	1.688.316.026	770.099.335
<b>Tổng cộng</b>	<b>190.806.837.832</b>	<b>126.849.985.141</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

*Quản lý rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

*Quản lý rủi ro về giá*

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

*Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

*- Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

*- Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất**Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Tổng
	VND	VND	
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Các khoản vay	159.655.144.424	-	159.655.144.424
Phải trả người bán và phải trả khác	29.463.377.382	-	29.463.377.382
Chi phí phải trả	1.688.316.026	-	1.688.316.026
<b>Cộng</b>	<b>190.806.837.832</b>	<b>-</b>	<b>190.806.837.832</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	85.857.737.060	17.799.000.000	103.656.737.060
Phải trả người bán và phải trả khác	21.702.221.746	720.927.000	22.423.148.746
Chi phí phải trả	770.099.335	-	770.099.335
<b>Cộng</b>	<b>108.330.058.141</b>	<b>18.519.927.000</b>	<b>126.849.985.141</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.386.357.723	-	16.386.357.723
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.695.247.205	46.273.773.336	181.969.020.541
<b>Cộng</b>	<b>152.081.604.928</b>	<b>46.273.773.336</b>	<b>198.355.378.264</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.238.239.228	-	2.238.239.228
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.994.388.285	42.242.565.084	145.236.953.369
<b>Cộng</b>	<b>105.232.627.513</b>	<b>42.242.565.084</b>	<b>147.475.192.597</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 14 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.941.657.807.601	1.294.416.307.005
Chi phí nhân công	51.460.046.254	34.149.922.548
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.100.369.179	2.869.806.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.382.744.308	23.430.721.793
Chi phí khác	29.314.829.425	11.619.871.097
	<b>2.059.915.796.767</b>	<b>1.366.486.629.263</b>

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh; do vậy, các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số dư tại ngày 31/12/2014	Số dư tại ngày 01/01/2015 (trình bày lại)	Tăng (giảm)
<b>I - Phần tài sản</b>				
1. Phải thu khác ngắn hạn	136	6.557.942.128	27.738.571.526	21.180.629.398
2. Tài sản ngắn hạn khác	155	22.742.229.838	-	(22.742.229.838)
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	1.561.600.440	1.561.600.440
4. Phải thu khác dài hạn	216	-	42.242.565.084	42.242.565.084
5. Tài sản dài hạn khác	268	42.242.565.084	-	(42.242.565.084)
<b>Cộng</b>				<b>-</b>
<b>II - Phần nguồn vốn</b>				
1. Quỹ đầu tư và phát triển	418	445.176.263	890.352.526	445.176.263
2. Quỹ dự phòng tài chính		445.176.263	-	(445.176.263)
<b>Cộng</b>				<b>-</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Điều chỉnh lại số so sánh</b>	<b>Tăng (giảm)</b>
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	684	624	(61)

**32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Bán hàng hóa	5.500.000	3.462.563.636
	Bán TSCĐ	1.865.388.182	-
	Cung cấp dịch vụ	1.294.657.576	1.482.804.073
	Mua hàng hóa	20.716.560.672	11.022.375.169
	Nhập TSCĐ	627.328.182	-
	Trả phí dịch vụ	17.225.954.322	7.758.878.485
	Chia cổ tức	4.830.000.000	-
Công ty Cổ phần Golf biển Cửa Lò	Cung cấp dịch vụ	7.778.000	25.871.650

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

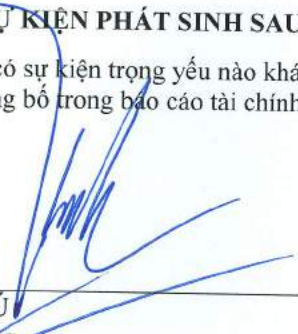
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/(phải trả) đối với các bên liên quan như sau:

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2015	31/12/2014
		VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Phải thu ký quỹ	42.434.102.400	38.228.321.448
	Phải thu	426.616.100	4.670.495.404
	Phải trả	(11.164.774.917)	(4.439.184.248)

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

  
LÊ THỊ PHÚ  
Kế toán trưởng  
Ngày 31 tháng 3 năm 2016



TRẦN TRUNG CHÁNH  
Tổng Giám đốc